

## NỀN TƯ TƯỞNG CỔ VIỆT

Lược luận về nền Tư tưởng tức cũng là cơ sở nguyên lý, là căn cứ tối cao cũng là tín ngưỡng gốc cổ hữu của dân tộc Việt.

Căn cứ ngoại sử truyền thuyết cổ sử với ít nhiều di tích còn tồn tại, thì họ Hồng Bàng với 18 đời đều lấy hiệu Hùng Vương, lấy hèm Rồng Tiên làm vật tổ từ đời nào chưa rõ, vì cha là Lạc Long Quân mẹ là Âu Cơ giòng Vụ Tiên, mới nói cha Rồng mẹ Tiên, kết hợp bởi *hai chi Âu Việt và Lạc Việt*, cùng trong nguồn gốc làm biểu tượng giòng giống nòi Việt (cũng như mọi dân tộc khác đều lấy 1 Vật tổ làm căn nguyên).

Biểu tượng Rồng Tiên thực ra về nội dung có chứa ngầm nền triết lý minh triết, lược vài nét chính sau đây:

Rồng và Tiên hàm chứa ý nghĩa vật chất và tinh thần, một Âm và một Dương, trong đó bao hàm Vũ trụ quan và Nhân sinh quan.

Đến đời Hùng Vương thứ sáu lại xuất hiện thuyết Bánh Chưng Bánh Giầy, đây là vật, trừ phần hình thức lễ nghi với câu chuyện dâng vua cha, phần nội dung cũng chứa đựng nền triết lý, làm sáng tỏ thêm cho ý nghĩa Rồng Tiên.

Bánh Giầy (tượng trưng của Tiên) hình tròn sắc trắng, hình tròn là biểu tượng của Trời, tượng Dương tượng Động (tức là bầu trời một vòng không), sắc trắng là tượng **Không**, trắng tinh là tượng của ánh sáng, tượng bản thể của Vũ trụ sự vật, trắng là không màu nên dung nạp được mọi màu sắc (bao hàm vạn hữu).

Bánh chưng hình vuông (tượng trưng của Rồng), màu xanh pha vàng hình vuông là biểu tượng của Âm, tượng Tĩnh tượng Đất, màu xanh vàng là tượng sự vật, có màu sắc là có sự vật, là tượng **Có**.

Chú ý là trong Dương có Âm trong Âm có Dương, cho nên *Tiên là Mẹ mà lại tượng Dương, Rồng là Cha mà lại tượng Âm*, hùng dũng lên trời xuống biển, biến hóa phi thường, Tiên thì thanh cao tao nhã hòa vui trường thọ (đây thuộc về Dịch lý).

Đến đời Hùng Vương thứ 18, đức Tản Viên sơn thánh tên ngài là Nguyễn Tuấn, một trong tứ bất tử (Phù Đổng thiên vương, Chử Đồng tử, công chúa Liễu Hạnh) lại nêu ra thuyết "Sách Ước Gậy Thần", Tản Viên sơn thánh đề xướng ra thuyết này làm sáng tỏ và đầy đủ thêm cho những thuyết trên, nêu rõ quan niệm và nhận thức về Vũ trụ và Nhân sinh của người Việt từ thời tối cổ xưa.

Sách Ước (sách hóa): là tập sách toàn giấy trắng (cũng tựa như bánh giầy -Tiên), đó là biểu tượng tượng trưng cho vũ trụ vô nguyên, vòng Không, không trước không sau, không hạn không lượng, ý nghĩa là

vô biên, vô tế, vô cùng, là vô hạn duyên khởi (khởi đầu), vô hạn cứu cánh (sau cùng), hay là nói không có khởi đầu tuyệt đối, cũng chẳng có sau cùng tuyệt đối, mà là trùng trùng duyên khởi, trùng trùng cứu cánh, luôn luôn bắt đầu, luôn luôn sau cùng vì bắt đầu khởi tạo cái này lại là do sau cùng của cái khác (khác với tuyệt đối là do Thượng Đế, do lý linh diệu... và cứu cánh tuyệt đối là trở về với Thượng Đế của các môn phái Duy Thần).

Mệnh danh Sách Ước là đã ngụ ý ngầm bảo toàn giấy trắng là **Không**, nhưng ước là muốn, có ước muốn lại là **Có**, vậy Không mà Có, có ước là có động, có được và có không được, nghĩa là bản thể là trắng không, trắng tinh, ánh sáng, ước là động là có, có vận động kết hợp mà có vũ trụ sự vật, biểu tượng Vũ trụ quan.

Ngày nay con người đã khám phá và chứng nhận tất cả vạn hữu, cứu cánh là trở về ánh sáng vô không, tức là trắng không (bản thể). Từ khi Phật giáo tràn vào, trong giáo lý nhận thức về vũ trụ vạn hữu có câu "chân 眞 không diệu 妙 hữu", có nghĩa là thật không có vi diệu 微妙 hay có cái vi diệu ở trong cái thật không, hoặc không mà có, có mà không (vì cái có còn vi diệu ở trong không chưa hiển hiện ra), quan niệm nhận thức trên ám hợp phù hợp với quan niệm nhận thức của người Việt nên được đón nhận nồng nhiệt.

Diệu 妙 : khéo, hay, thần diệu lắm. Tinh thần khéo léo màu nhiệm không thể nghĩ nghĩ được gọi là diệu.

Vi 微 : màu nhiệm. Như tinh vi 精微, vi diệu 微妙 nghĩa là tinh tế màu nhiệm không thể nghĩ bàn được.

Gậy Thần: tượng trưng cụ thể bằng cây gậy trúc, một đầu Sinh một đầu Tử, hàm chứa ý nghĩa một Âm một Dương, Dương sinh Âm tử, đây là biểu tượng của triết lý Nhân sinh quan (nhân sinh nhân tử quan), sinh và tử là hai trạng thái của một nguyên nhân, tử bắt nguồn ở sinh, sinh bắt nguồn ở tử, có sinh ắt có tử, có tử ắt có sinh, cái đang sống đang có lại đang chết dần, mòn dần tan dần lại để sinh ra cái khác, hết thảy vạn hữu đều là như vậy.

Từ Vũ trụ Vô nguyên chuyển hóa ra có Người (Nhân sinh) và vạn vật. Vậy hai thuyết Sách Ước Gậy Thần là Vũ trụ quan và Nhân sinh quan đã làm sáng tỏ thêm nữa biểu tượng (hèm) Rồng Tiên và thuyết bánh Chưng bánh Giầy, trong đó đã bao hàm mọi lý thuyết của tư tưởng loài người do các ngọn ngành triết hệ các hệ phái như: vô nguyên, nhất nguyên, nhị nguyên và đa nguyên.

- Vô nguyên : vòng không, không có bản thể cố định, động mà tĩnh, tĩnh mà động, không mà có, có mà không. Cử ra một thí dụ cụ thể cho dễ hiểu là nếu như ta ngồi trong một chiếc xe cực êm, đi trên đường cực phẳng, mở máy chạy cực nhanh, cửa đóng kín, mắt nhắm kín, ta sẽ có cảm tưởng như đang ngồi trong phòng, nằm trên nệm êm yên tĩnh bất động, chứ không phải là đang chuyển động trên đường đi thật nhanh, và

quả địa cầu này đang quay thật nhanh mà ta tưởng như là nó đứng im bất động...

- Nhất nguyên : nhân loại nhất nguyên nhất tính, một thể tính đó là Nhân tính, chưa phân rẽ (khác với Nhất nguyên luận của các môn phái khác).

- Nhị nguyên : từ một thể tính, đã phân Nam Nữ, Âm Dương – Rộng Tiên là đã phân chia, nên là Tổ phụ Tổ mẫu nhưng cũng do nhất tính mà ra – chớ hiểu lầm cho là theo ý thức hệ Nhị nguyên.

- Đa nguyên : nhiều thể tính chủng loại dân tộc, từ nhân loại nhất tính chia ra làm nhiều dân tộc.

Tiên là biểu tượng trong sáng thanh cao, tức là bản thể là ánh sáng trắng không. Cụ thể hoá là bánh Giày, sách Ước để ngẫm ý bảo trong Không mà lại Có (chân *Không* diệu *Hữu*), tuy là Có đó nhưng vẫn còn trinh nguyên ở trong Một bản thể (Vô nguyên - Không), tức là đã phảng phất cái ý chỉ - Không (Vô), Một (Nhất), Hai (Nhị), vì từ Không (Vô) mà lại Có (diệu Hữu - Nhị); có ấy (Nhị) nhưng cũng chỉ ở trong Một (bản thể của cái Vô - Không).

Nhưng vì có Rộng hợp với Tiên (trong Không mà lại Có), thì là phân ra mà hàm ý là Nhị nguyên biểu hiện, mà đã có Hai là sẽ chuyển hoá ra thành Đa nguyên (tuy Đa nhưng gốc bản thể lại là Vô - Không),

Chỉ sơ lược vậy, đi sâu vào Triết vô cùng tế nhị phức tạp - Triết minh biện làm sáng tỏ Đạo.

Còn một di tích lịch sử rất đáng chú ý, đó là thành Cổ Loa hiện còn chân nền thành và đền thờ, giếng và nhiều dấu tích ở tỉnh Phúc Yên Bắc Việt Nam. Thành xây hình xoáy tròn ốc đó có hàm chứa một quan niệm với ý nghĩa gì ? Ta cần xuyên qua hình thức với những truyền thuyết thần thoại để khơi sâu vào nội dung, vào sâu thẳm trong phần tinh áo uẩn tàng để khám phá về ý niệm, lý niệm, minh lý minh triết của Tổ Tiên. Thế kỷ trước, Hegen đã khám phá ra biện chứng tiến hoá của vũ trụ là vòng xoáy tròn ốc, biết đâu Tổ tiên nòi Việt trước Hegen mấy ngàn năm chẳng đã khám phá thấy, rồi áp dụng vào việc xây thành.

Tất cả những biểu tượng đó, đã biểu hiện ra trong tâm tưởng, tín ngưỡng, trong mọi hình thái sinh hoạt của Xã hội Việt từ ngàn xưa, ngày nay tuy có nhiều thay đổi, nhưng trong tư tưởng tâm tư quốc dân, mỗi khi nhắc tới vẫn còn rung động, khi ta trầm lắng tâm tư, tạm quên hiện tại để cảm chiêm và thể nghiệm, kiểm điểm lịch sử trong quá trình tiến hoá, sẽ thấy rằng quá trình từ bốn ngàn năm trước, làm gì đã có văn tự giấy bút, ngôn ngữ còn rất thô sơ, trình độ tri thức đại chúng còn rất thô thiển phác lậu (mộc mạc, thật thà), vì thế những quan niệm tư duy, phần minh lý, linh ngữ chứa đựng vô cùng phong phú và cao siêu, chỉ có thể mượn những vật thể, những hình tượng để ngụ ý vào, ẩn dấu vào trong đó, biến

những vật thể đó thành thần vật, thần khí để lưu truyền được lâu dài cho tới ngày nay, chính là nhờ những mật ý đó.

Sau này con người nghĩ ra được chữ tượng hình, khoa đầu... khắc vào những mảnh tre trúc, tiến tới dùng vải lụa một thời gian, rồi sau này mới chế biến ra giấy viết bút mực ngày càng tinh xảo. Phần tiếng nói cũng thế, đến nay cũng chưa thực đủ tiếng, nên thường xuất hiện những từ ngữ mới, là do càng tiến hoá càng cần thêm càng phức tạp hơn...

Cho nên những tư tưởng, ý niệm, lý niệm, minh lý, minh triết gọi là linh ngữ mật ý vô ngôn của các đấng siêu phàm nhập thánh Tổ tiên nòi Việt, dấu ngấm vào trong các biểu tượng Rồng Tiên, vật thể bánh Chưng bánh Giầy, sách Ước gậy Thần, móng Rùa thần Kim Quy..., bên trong đều hàm chứa nền triết lý cao siêu, nhận thức về Vũ trụ và Nhân sinh. Đó là nền tư tưởng căn bản uyên nguyên truyền thống, là cơ sở nguyên lý, là căn cứ tối cao của nền văn lý cổ Việt, thường gọi là nền văn minh Tiên Rồng, cũng như truyền thuyết cha Lạc Long mẹ Âu Cơ sinh ra trăm trứng nở trăm con, rồi chia đôi núi biển, 50 theo mẹ 50 theo cha, đâu có thực như vậy. Cái ý nghĩa đích thực ấy, là nòi giống Việt chia ra khá nhiều theo chi, nhiều phái, nhiều bộ lạc, gọi gom chung lại: là nòi giống Bách Việt, Tổ tiên nêu ra thuyết "nhất bào bách noãn, sinh bách nam, ngũ thập quy sơn, ngũ thập quy hải", là di chúc để lại cho giống dân Bách Việt, dù chia ra hàng trăm, nhưng ngọn gốc là một, cùng một Tổ tiên sinh ra (nhất bào), nên lấy tình đồng bào, đồng chủng tộc huyết thống mà duy trì nòi giống chung sống với nhau. Có lẽ Tổ tiên chúng ta đã trải qua những lần bị nòi giống Hán lấn lướt, nhận thấy có dã tâm muốn đồng hoá nòi giống Việt, nên phải lui dần về phía Nam, về vùng Ngũ hồ Ngũ lĩnh phía nam sông Dương Tử (sông Trường Giang giữa nước Tàu hiện nay), và nòi giống Việt bị chia ra quá nhiều ngành, chi, nhánh, lo âu về sau bất hoà rồi chống đối lẫn nhau, nên tạo ra thuyết này để nhắc nhở con cháu Việt là cùng chung một Tổ Tiên, tránh tranh chấp với nhau mà mang họa nội tranh ngoại diệt.

Chúng ta là người Việt, con cháu của Tổ Tiên, rất cần tìm kiếm khám phá những bí tàng, thần tàng, lý niệm, đó là những linh ngữ mật ý vô ngôn (được thần thoại hoá và truyền thuyết có tác dụng lưu truyền tồn tại lâu dài), chính đó là những tinh hoa do Tổ Tiên chúng ta khởi xướng phát minh, và đó cũng chính là động cơ, động lực trong dòng tiềm thức tiềm lưu muôn thủa của dân tộc Bách Việt, mà dân tộc Đại Việt (Việt Nam hiện tại) đã cảm ngộ đời đời, nhờ đó mới tránh bị đồng hoá do chủng tộc Hoa Hán xâm chiếm hàng ngàn năm qua nhiều thời kỳ, và đã bao phen đánh bại kẻ thù rất kỳ diệu oanh liệt. Do đó mà chúng ta, người dân Việt sống trong dòng máu của Tổ Tiên, cần nên cố gắng thâm thái và phát huy, không nên sơ hốt nông nổi mà cho là chỉ có tính cách truyền kỳ thần thoại hoang đường, hoặc như Cổ Loa thành chỉ có tác dụng phòng vệ, tất cả những hình thức mật nổi đó, chỉ có tác dụng bề ngoài, nhưng dụng ý tinh uẩn thâm vi dấu ngấm sâu bên trong đó, người dân Việt chúng ta cần lưu tâm nghiên cứu tìm hiểu.

Từ thời Trung cổ Thượng cổ trở lên, dân tộc nào mà chẳng dùng Vật Tổ (hèm), thần thoại, truyền thuyết, cổ tích... để ngụ ý dấu ngẫm nền tư tưởng của dân tộc mình ? Luận giả nếu không có ý tự tôn tự đề cao dân tộc, làm tự xét nghiệm thấy là: nền văn minh tư tưởng cổ Việt từ bốn ngàn năm quả thực đã xác lý và rất cao siêu, dám nói là hơn cả các nền văn minh tư tưởng cổ xưa của các dân tộc khác. Suốt mười tám đời đều dùng niên hiệu Hùng Vương, mấy ngàn năm không có nội tranh (ngoại chiến, không đem quân đánh chiếm các nước khác – thể hiện nền văn minh Nhân bản), xã hội yên vui hoà ái, đủ chứng tỏ phải có tư tưởng chủ đạo, nền văn minh (Nhân bản) làm chủ đạo tối cao mới được như thế. Đó là nền văn minh Tiên Rồng, hèm Vật tổ đặc dị (hai Vật tổ trong một), không như các dân tộc khác, quả thực cực kỳ cao siêu.

Phẩm tính đặc dị cao siêu ấy được dấu ngẫm trong các vật tượng để thần thoại hoá, có hai tác dụng đáng kể, một là lưu truyền do truyền thuyết tồn tại lâu dài mãi trong dân gian, hai là tránh thoát được cái hoạ bị phá huỷ tước đoạt, trong thời gian dài hàng ngàn năm Bắc thuộc, kể đến nhà Minh nòi Hán luôn luôn dòm ngó, có cơ hội là xâm chiếm đồng hoá, cho đến bộ Đại Việt sử ký của ông Lê Văn Hưu đời nhà Trần bị cướp đoạt, quyển Minh Đạo của vua Hồ Quý Ly bị giặc Minh cướp đoạt đem về để ở thư viện Bắc Kinh, rồi bị quân Nhật lấy đem về Nhật, lưu trữ tại thư viện Đông Kinh và rất coi trọng giữ gìn cẩn thận.

Tới thời vua Lê Thánh Tôn hiệu Hồng Đức, cho soạn bộ Việt sử đầy đủ hơn và sửa sang bờ cõi, vẽ bản đồ, viết bộ luật Hồng Đức rất có giá trị, mới chỉ tiến được thế.

Cho nên nếu nền tư tưởng của người Việt cổ, nếu không dấu kín ẩn tàng trong các Vật tượng và thần thoại hoá, thì kẻ thù phương Bắc chắc chắn sẽ cướp đoạt phá huỷ hết những di sản, mong tiêu diệt hết mọi tư tưởng văn hoá, để đem của họ vào hòng đồng hoá dân tộc ta, nếu không còn lại những di tích và truyền thuyết thần thoại đó thì dân tộc Việt đã chẳng còn lại gì.

Công cuộc phát huy nền văn minh cội gốc, tất yếu phải thể nghiệm lịch sử qua tư tưởng, với những tiến trình bao thăng trầm gian khổ của bao tầng lớp Tổ Tiên chúng ta, đã suy tư vươn lên vượt trải với bao nhiêu là mồ hôi nước mắt máu đào tuôn chảy, đó mới là uyên nguyên truyền thống chính thống, lấy đó căn cứ cho mọi suy diễn phát dương, làm sao cho có được hệ thống hoá, thời đại hoá, khoa học hoá và bình dị hoá để phổ biến trong đại chúng. Đó chính là ước nguyện của người viết này, và cũng tin rằng đó cũng là ước mong chung của đa số quốc dân Việt, nhất là số người nhiệt tâm yêu nước thương nòi, để nhờ đó mong chuyển hoá được dân tâm trạng hoang mang, ưa nổi loạn hay vọng ngoại. Trong thời đại nhiễu nhương này, xã hội đang lâm dần vào tình trạng vô cùng hỗn loạn, rất cần một sự đổi mới sâu rộng về tư tưởng, tín ngưỡng, đến cơ cấu và thể chế nếu có thể. Không cần phải tìm kiếm đâu xa có ngang bằng hay hơn được nguồn tư tưởng của nền văn minh Tiên Rồng của Tổ Tiên

người Việt chúng ta, con cháu Việt hãy hiện đại hoá, hệ thống hoá để phát triển trong đại chúng nền tư tưởng siêu việt này.

Một số những nhà học giả, văn gia khảo cứu đã soạn đưa ra một vài tác phẩm, ít điểm đại cương đơn lược hoặc lẻ tẻ nói về những truyền thuyết thần thoại di tích và văn hoá tư tưởng sâu xa của người cổ Việt, trong đó còn có tác giả cho là không có văn hoá của người Việt nữa !, thậm chí còn có tác giả cho là văn hoá Việt chỉ có từ thời "tam giáo đồng nguyên" (vậy có nghĩa là trước đó không có)... khi luận bàn về "tam giáo đồng nguyên" thì cho rằng đó là văn hoá của người Việt, chỉ có như vậy thôi !, chưa thấy tác giả nào (viết trước 1975) đưa ra những gì có tính chất thuần túy Việt từ đời Hùng Vương, An Dương Vương đã phát minh sáng khởi cả.

Về tam giáo đồng nguyên, người viết đã chép được toàn chữ Nho, và từ đó bình luận một bài ngắn cũng chữ Nho (chưa có dịch ra tiếng Việt vì có dịch chính văn tam giáo đồng nguyên), đó là một trong những nguyên nhân thúc đẩy viết ra bài này, với sở kiến nhận thấy trong tam giáo đồng nguyên cũng chỉ là những nền tư tưởng cổ đại của người Tàu, người Ấn độ, tiền nhân chúng ta đã nhận dịp những giáo phái này du nhập vào mà thâm thái lấy, sau hơn ngàn năm Bắc thuộc cho nên dân tộc chúng ta đã bị phá sản về văn hoá, khi mới phục hồi được nền tự chủ, tiền nhân chúng ta đã phải mượn ba nguồn văn hoá tư tưởng đó dùng làm chỉ đạo cho mọi công trình kiến thiết cấp thời, để khôi phục dần sinh mệnh và sinh lực của mọi sinh hoạt nội tâm và hình thức. Đó là quá trình lịch sử diễn tiến đòi hỏi tất yếu phải làm như vậy.

Về một số tác phẩm của các soạn giả nói trên, khi nói về văn hoá Việt, không chú ý mấy đến lãnh vực tư tưởng dấu kín (ẩn tàng) bên trong, (của) những sự tích đã (được) thần bí hoá từ đời xưa, có hàm chứa nền triết lý cao thâm, hoặc (nếu) có (cũng) chỉ lược phớt qua, có lẽ các vị (soạn giả) đó chưa dám tin hoặc chưa khám phá thấy, chưa cảm ngộ được, chưa tin vì thiếu (không có đủ) tài liệu sách vở chẳng ?, đến như di tích Loa Thành cũng thế, (và còn) hơn thế nữa, (một số người) còn cho là hoang đường...

Nếu không nhờ nơi thờ tự để cất dấu những gì gọi là thần thoại hoang đường, để tránh thoát dã tâm kẻ thống trị (thì làm sao tránh thoát dã tâm của kẻ thống trị) luôn luôn âm mưu (muốn) đồng hoá mà (dân tộc chúng ta, chúng sẽ) tiêu huỷ (hết chẳng còn lại) thì còn gì nữa.

Kể từ khi Bắc thuộc hơn ngàn năm cho tới gần đây (nay), (nước Việt chúng ta) nào đã có thời gian nào được thực sự yên ổn lâu dài ?, hết Hán đến Tống, Đường, Nguyên, Minh, Thanh, (Trịnh Nguyễn phân tranh) thảm cảnh sông Gianh, lại tiếp đến Pháp Lan Tây xâm lăng thống trị, rồi nội loạn, và sông Bến Hải ngày nay (phân chia Nam Bắc), người đang viết đã ngẹn ngào uất hận, đặt bút lau nước mắt trào ra đau hận ngàn đời !, xót thương dân tộc !, do quân xâm lược đem đè nặng lên tâm tư giống nòi, (dân tộc chúng ta) đã liên tiếp phải đấu tranh ác liệt, đã oanh liệt kiên trì

lắm mới giữ được sống còn, có thời giờ (gian nào) yên vui phồn thịnh lâu dài nào đâu, để khám phá chấp nối và sáng tạo hệ thống hoá) về mặt tư duy. Hãy lấy một điểm, định dùng chữ Nôm thay chữ Hán của vua Quang Trung mà xét nghiệm, đủ thấy cái chí quật cường, nhưng rồi rồi chỉ mấy năm Ngài bị chết yếu, (đất nước chúng ta) tình cảnh ác nghiệt đến (như) thế (đấy) !.

Cho nên, trong lúc mới khôi phục nền tự chủ, trong tình trạng phá sản về văn hoá, điều cấp thiết và khẩn yếu là phải có ngay "*tối cao chỉ đạo*" là **Văn hoá**, để hướng đạo cho mọi thao tác sáng chế (tạo), cho mọi mặt khiến thiết quốc gia và xã hội, do đó mà Tổ tiên chúng ta và tạm mượn ba nguồn tư tưởng hoà đồng trong cái gọi là "tam giáo đồng nguyên", dùng chỉ đạo để khôi phục dần sinh mệnh và sinh lực của mọi sinh hoạt nội tâm và ngoại cảnh (trong lúc) cấp thời, cũng như ngày nay mượn tạm (những) gì của phương Tây kể cả giáo dục, và đang thu thái những gì tốt đẹp và thích hợp cho đời sống hiện đại.

Chính bởi cảnh ngộ đi đôi với tư tưởng, tính tình người Việt vốn sẵn chịu đựng, dung hoá, dung hợp, nhờ đó mà tích lũy vun bồi phong phú, cho vườn hoa Hồng Lạc cho vườn hoa có đủ muôn sắc ngàn hương hơn cả mọi dân tộc, nhưng (hiện nay) vẫn còn vùi lấp ẩn tàng chưa được phát dương quang đại.

Cái sứ mệnh tối đại trọng yếu đó, thời đại này phải đảm đương thực hiện, làm sáng tỏ những tinh hoa kia (của Tổ Tiên chúng ta).

Một vĩ vận kéo dài gần 500 năm trăm năm trời. Kể từ vua Đinh Tiên Hoàng dựng lại được triều nghi chế độ, có mô hình quốc gia. Trái Lê, Lý, Trần, Lê... chưa có thời nào thực sự thái hòa, có bậc anh tài siêu việt, khám phá khai thác và sáng tạo nền văn minh cổ hữu sáng ngời, bị chìm trong thần thoại truyền thuyết. Người đang viết cũng thấy đây là vấn đề uẩn áo thâm vi, phải có bậc thiên tài siêu việt, học quán thiên nhân, với tấm nhiệt thành cao độ vô song mới làm được công việc cao thâm tuyệt thế này, vì đây là việc lưu để muôn đời, kế vãng khai lai, vô cùng quan hệ và khó khăn. Hiện tình thế sự lại đang còn biến loạn, nên ngọc còn trong đá, lẫn lộn vàng thau... !

(Nếu tính từ đời nhà Lê mạt cho đến nay đã hơn 500 năm, còn theo tinh đầu số, vận suy của dân tộc Bách Việt là từ thời vua Hùng Vương thứ 18 thì hơn ngàn năm, 18 đời Hùng Vương mấy ngàn năm thịnh trị thái hòa rồi tới mấy ngàn năm suy. Theo Thiêu Bính Ca của Lưu Bá Ôn thì thời vận sắp tới có câu "Chức Nữ nương Ngưu Tinh", sao Chức Nữ là chủ tinh của dân tộc Hoa Hạ, còn sao Ngưu Tinh là chủ tinh của dân tộc Bách Việt, sấm Trạng câu 434 "Nam Việt hữu Ngưu Tinh, quá thất thân thủy sinh", và "Ngưu tinh tụ Bảo giang" - một vận tinh đầu kéo dài mấy ngàn năm).

Người đang viết tự biết học hiểu còn nghèo nàn, nhưng bởi mỗi ưu tư canh cánh bên lòng, với năm dài dằng dặc, và nguồn xúc cảm dâng lên, với lòng mong ước có những nhà học giả cao minh uyên bác, đặc biệt chú

ý làm tỏ rạn những nguồn tư tưởng, những ý niệm và lý niệm của Tổ Tiên, đó là đại nguyện và đại hạnh cho hiện tại và tương lai dân tộc, ít ra cũng mở đường cổ động quốc dân.

Còn bao nguồn cổ tích lịch sử, trong đó chứa đựng những ý nghĩa, những tinh hoa của dân tộc, nào văn nào võ, luân lý cương thường... như truyện Trầu Cau, Tấm Cám... với Phù Đổng Thiên Vương ba tuổi vụt lớn phi thường, để làm công việc phi thường giữ nước cứu nòi, xong sứ mệnh rồi vụt biến đi không màng danh vọng. Đó là biểu tượng tinh thần dân tộc Việt, tuy nhỏ bé, nhưng lúc lâm nguy cần thiết, vụt lớn lao quật khởi, dũng liệt vô song. Với Chử Đồng Tử, nghèo khổ đến nỗi không có đến cái khổ để che thân, mà rồi lại kết hôn được với nàng công chúa con vua đương triều, sống ngoài vòng đời các quyền quý... thực ra đó là *tinh thần Tiên Đạo của nòi Việt*.

Thời đại ngày nay, cả mặt địa cầu, thế giới loài người gần như sống chung trong khu vực, với kỷ nguyên nguyên tử, không gian, tin rằng nền văn minh cổ Việt sẽ càng được chứng minh công nhận là chân lý, vì đó chính là chân lý, vấn đề đó sẽ biểu hiện phát dương, khi thời kỳ đen tối nhiều loạn này chấm dứt, qua cơn đại biến kinh thiên do chính con người với lòng tham bạo vô bờ, đi đôi với trí mưu tuyệt diệu để mưu hại lẫn nhau, sau đó còn lại, sẽ tìm chân lý chân chính nhất, lấy làm "chủ đạo thể", đem hoằng dương bằng nền văn hóa mới cho chung cả nhân loại làm tối cao chỉ đạo, để xây dựng nếp sống mới hòa vui an thích trong cảnh thái hòa chung !. Người đang viết tin tưởng mạnh mẽ là: ngày đó sẽ tới không xa nữa, bởi thế kỷ 20 này là thời gian cuối cùng của một đại vận hội mấy ngàn năm, mà là thế kỷ đen tối cực độ cùng cực, đó là vấn đề thuộc lãnh vực khác, ngoài đề của bài này, nên xin miễn bàn tới.

### THƯỢNG ĐẾ LÀ GÌ ? – CÓ HAY KHÔNG

Đây thuộc về tín ngưỡng, nhưng tín ngưỡng cũng do tư tưởng mà ra, tư tưởng, tâm lý, tín ngưỡng đều biểu hiện ra Văn hóa.

Nếu chấp nhận có Thượng Đế, thì nguồn gốc của tư tưởng đích thị là thuộc môn phái Duy Thần.

Tư tưởng cổ Việt : Trẻ Tào Hóa đành hanh quá đáng  
Chết đuối người trên cạn mà chơi.

Mượn hai câu thơ để chứng minh, qua văn thơ người Việt thường dùng tiếng trẻ con, tiếng con để kêu Tào Hóa, con Tào trên người chứ ít thấy kêu là đấng Tào Hóa (cũng như là đấng Thượng Đế). Dù có cho rằng tiếng Trẻ Tào rút ra do hai chữ "Hóa Nhi" vẫn chữ Hán là của người Tàu, thì đó cũng chưa hẳn là đúng, nhưng nó cũng không quan trọng gì, mà phần quan trọng là ở chỗ căn bản nhận thức kia, vả lại (nó) có thích hợp (với) tư tưởng (thì) mới biểu hiện ra văn hóa văn chương. Vậy nền tư tưởng (của) phái Duy Thần thì đấng Tào Hóa, đấng Thượng Đế (đấng Tối cao) đã ngự trị tư tưởng (và) tâm hồn, đâu có (thể) kêu là Con là Trẻ ?, vì



thể người Việt xưa coi Trời, Tạo hóa là tự nhiên, thiên nhiên, vắn xoay diễn biến của Vũ trụ (Vũ: không gian - Trụ: thời gian), là do luật tắc tự nhiên, vũ trụ sự vật vạn hữu sinh, thành, hủy, diệt sinh hóa hóa sinh đều do diễn biến luật mà ra, câu nói thông thường "nhờ Trời", chỉ có nghĩa (ám) chỉ vào bầu trời, bầu vũ trụ xoay vắn (một cách tự nhiên) như nhờ trời mà có không khí để thở mới sống, có nước lửa mọi loài mọi giống (động) thực vật để ăn..., do thiên nhiên sông núi sản sinh cung ứng, đó là thực tế và (cũng là) thực lý nữa.

Người Việt vốn vẫn tin tưởng và công nhận là có Thần (Hữu Thần khác xa với Duy Thần). Thần do ở người, sau khi thể xác lìa đời còn lại cái gọi là "tinh hồn" ấy là thần hoặc là quỷ hay là ma, tùy theo khi còn trong kiếp sống là hạng người trí tuệ, có chí khí, có tâm hồn thanh cao, uy nghi, nghiêm trang, trung liệt, tài cao đức lớn..., hay là hạng tàn bạo, độc ác, tham lam, hoặc là đần độn u mê, dối trá... Truyền thuyết núi "thu tinh" là nơi quy tụ tinh hồn người Việt sau khi chết, đều về tụ họp nơi đó, chuyện này có tác dụng (thời xưa) nêu lên tầm tương quan tới cả khi đã chết, người Việt với tinh hồn vẫn đoàn tụ một nơi. Do đó chứng minh lòng tin có Thần, sùng bái tín ngưỡng cũng do lòng tin đó (núi Thu Tinh còn gọi là núi Kinh Thiên).

- ✓ Dẫn chứng thêm về phần "tinh hồn", hay linh hồn hoặc thức thần, chủng thức cũng thế, khi người nào chết cái gọi là "tinh lạc" đã thoát vút ra khỏi thể xác thì mới thực sự hết còn sống, cái đó màu xanh lạt, chỉ đêm tối trời không ánh sáng mới thấy được, nếu theo dõi hay may thấy thì vụt thoát ra rất nhanh rồi biến mất, vì dù ngoài trời tối không trăng sao (có rồi) cũng mất luôn nên khó thấy và chỉ ở thôn quê đôi khi có người thấy, chính kẻ (người) viết được nghe những người thấy kể vào khoảng trước đây hơn 40 năm về trước. Đó chính là tinh hồn gọi là thần là quỷ là ma. Muốn hiểu lãnh vực này, trước hết phải hiểu qua phần Tinh, Khí, Thần (nhân thần) trong thân thể hữu hình rồi tới phần vô hình (y học Đông phương cũng có nói).

Ngày nay dân chúng Việt, một phần không tin là có Ông Trời, một phần tin là có là do chịu ảnh hưởng của các tôn giáo tràn vào như Khổng giáo, Ấn giáo (Bà la môn - Phạm Thiên), Hồi giáo và Thiên Chúa giáo. Kể từ thời Bắc thuộc hơn ngàn năm liên tiếp tới gần đây là trăm năm Tây phương tràn sang, trong mọi tầng lớp dân Việt còn một phần không tin, ít tin hoặc nghi vấn nhất là giới hiểu biết (về khoa học). Tới nay trình độ kiến thức của đại chúng đang mỗi ngày tiến triển, đi đôi với Tư tưởng giới đang khám phá, và khoa học nguyên tử khoa học không gian, đang làm cho đấng Thượng Đế sụp đổ dần trong tín ngưỡng, chữ Thượng Đế thực (ra) thì có đâu để sụp đổ ? Người ta đã khám phá thấy Thượng Đế là cái vòng tròn ● (xem thêm Chữ Thời của tác giả Kim Định).

Thượng Đế xuất hiện trong tín ngưỡng là do tư tưởng của con người thời xưa, do từ sau thời kỳ phiếm thần, đa thần chuyển sang độc thần, chính tín ngưỡng đó là động lực trong tiến trình tổ chức của nhân loại, từ

du mục, du cư bộ lạc với các lãnh chúa của các bộ lạc tiến lên thống nhất nhiều bộ lạc thành quốc gia với một ông vua, hoàng đế độc quyền độc tôn, gọi là thiên tử nhân danh là con Trời (Thượng Đế), có toàn quyền sinh sát vì nhân danh thay Trời, tư tưởng gây nên tín ngưỡng và mọi hành vi do đó mà ra.

Từ mấy thế kỷ tới nay, con người đã dần dần giác ngộ về mình, cho nên đã và đang tranh đấu để dành quyền đương nhiên, tự do dân chủ thực sự trong phạm vi của mình, để giải phóng những gì giam bó nội tâm và đời sống xã hội cho thích hợp với trình độ tiến hóa ý thức, cần phải thực hiện chế độ chính trị xã hội dân chủ tự do, lấy con người làm nền tảng và chủ đích, đó mới là nguyện vọng đích thực, chứ chẳng phải những chế độ mệnh danh tự do dân chủ ngày nay, bởi tư tưởng sai lầm đã tạo nên bằng biến chế trá hình... (Tây phương đi trước Đông phương về thực hiện dân chủ hình thức, nhưng về nội dung về thực hiện dân chủ thì Đông phương đã thực hiện từ mấy ngàn năm trước như Nghiêu, Thuấn, Hùng Vương..., thí dụ đầu năm vua đi cày tượng trưng...).

- ✓ Khoảng năm 1952, 1953 ở Hà Nội, người viết đã được đọc bản cổ văn ngắn do người quen thân cho mượn, được nhờ người giữ việc đèn hương (cụ Từ) trong đền thờ ở thành Cổ Loa (có tín cẩn cụ Từ mới cho mượn), bản văn đó nói về sự tích xây thành, cũng chỉ như truyền thuyết thần thoại, nghĩa là đã thần hóa linh dị đi, hỏi thêm còn dấu vết gì trong cung cấm không thì cho biết, chỉ có một tảng đá (hòn đá), thờ cúng hòn đá ? Chưa hiểu ý nghĩa gì ẩn dấu trong đó, trong bản văn đó cũng nói về thánh Tản Viên, lai lịch sự tích cũng như truyền thuyết thần thoại. Cũng khoảng thời gian đó, ở Hà Nội, may được gặp một vị lão nho tức Phạm Văn Mạnh tiên sinh, biệt hiệu là Đoàn Sơn (khi thảo tập này, Cụ còn ở Sài Gòn, nay chép lại vào đây Cụ đã qua đời hơn 9 năm), Cụ vốn nặng lòng với non sông dân tộc, gần cả đời đi đó đi đây để tìm dấu vết và truyền thuyết, lấy cố đi tìm nơi dậy học, khi tới núi Tản Viên (Sơn Tây), lân la leo lên đền Hạ, rồi đền Trung gặp cụ Từ trông coi đền, xin vào cung không được vì bị cấm, hỏi trong cung cấm có những gì ? Trả lời chỉ có cái tráp trên có ba quả cau và lá trà không vàng, trong tráp có tập sách chỉ toàn giấy trắng, và giá "bát bửu" có cấm cả cây gậy bằng trúc (tre), cũng chỉ có vậ thôi, lai lịch sự tích cũng như truyền thuyết.

Phải chăng cái tác dụng, chính nhờ cất dấu trong thần thoại và nơi tín ngưỡng thờ cúng tôn nghiêm, biến thành hoang đường không đáng kể để che mắt kẻ địch mới lưu truyền được dài lâu (hiện ở ngoài Bắc Việt đã khai thác được nhiều dấu tích chứng nhận truyền thuyết là có thật, và người viết đã đọc ba cuốn Hùng Vương dựng nước, đó là một chứng minh về "nền văn minh Tiên Rồng" qua văn hóa vật chất, người viết đọc vào năm 1973 - 1974, tức là sau khi khởi thảo tập này sáu bảy năm, đề là mùa đông năm Mậu Thân 1968 tức năm 4347 TV (Tuổi Việt).

Một hiện tượng cũng đáng chú ý, tại miền Nam Việt Nam này là phong trào cổ động xây dựng Quốc miếu từ mấy năm nay, có độ đã sôi nổi nhưng có lẽ vì thời thế khó khăn, nên lại bị lắng xuống, rồi xuất hiện những hoạt động có tính cách tôn giáo tín ngưỡng đều thấy có chiều hướng sùng tín Quốc Tổ, Tổ Tiên như: Tổ Tiên chính giáo, đạo Tiên Rồng, Việt Giáo Phục Hưng..., đó là những hiện tượng có khuynh hướng gốc nguồn về đạo Tổ. Riêng người viết này thành tâm ao ước chư quý vị đang cố gắng trong những hoạt động ấy, lưu ý phát dương phần minh triết, minh lý, ý niệm, lý niệm chứa đựng ngầm trong những thuyết cổ truyền chính thống đó làm cơ bản của niềm tin, làm hoạt động cho mọi sinh hoạt tâm lý sinh hoạt, xã hội sinh hoạt..., nếu được thể theo thiên ý, có lẽ sẽ gây được niềm tin tưởng sâu xa và vững bền trong đa số, quốc dân sẽ đón nhận nồng nhiệt hơn vì sự rung động tới đáy hồn trong vô thức, tiềm thức chu lưu từ ngàn thuở tới, và nó cũng thích hợp với trình độ hiểu biết hiện đại đã trưởng thành do đã bị đau khổ vì mê lý cũ gây nên.

*Sài Gòn vào mùa đông Mậu Thân, 4847 TV tức năm 1968.*

*Chép lại tháng đầu xuân năm Kỷ Mùi, 4858 TV tức tháng 2 năm 1979*

### **Thái Nhân** tức Việt Đăng

- Theo ông Trần Chút - chủ tịch Hội Ngôn ngữ TP.HCM, từ "bánh Dầy" là từ biến âm của từ cổ "bánh chì" ngày xưa (ch => gi, i => ây; ví dụ như: bên ni => bên này, chường => giường). Vì thế, từ viết chuẩn xác nhất là "bánh giầy". Tuy nhiên, tiếng Việt phát âm "d" và "gi" không khác nhau, một số người nhầm lẫn "dầy" tức là dày, mỏng nên mới viết là "bánh dầy". Về mặt chính tả, nếu dùng "bánh dầy" cũng không sai nhưng đúng từ gốc phải là "bánh giầy".
- Đại từ điển tiếng Việt của tác giả Nguyễn Như Ý, NXB Văn Hóa - Thông Tin: "Bánh giầy là bánh có hình tròn khum khum, màu trắng, rất dẻo, mịn mặt, làm bằng xôi trắng giã nhuyễn, khi ăn cặp với giò chả...".